

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2010

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thông tin Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008

Do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Yen Huang	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Wang Yen Huang	Tổng Giám đốc
	Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Ban Giám đốc duyệt phát hành vào ngày 16 tháng 8 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-215

Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 16 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		438.386.143	405.156.004
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	124.813.396	123.482.055
Đầu tư ngắn hạn	120	4	2.000.000	-
Các khoản phải thu	130	5	139.003.790	103.055.334
Phải thu khách hàng	131		137.289.146	102.279.929
Trả trước cho người bán	132		813.244	1.304.546
Phải thu khác	135		2.123.857	363.229
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.222.457)	(892.370)
Hàng tồn kho	140	6	164.407.840	176.332.932
Hàng tồn kho	141		173.449.690	180.909.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.041.850)	(4.576.774)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.161.117	2.285.683
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.974.281	953.519
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.569.267	118.355
Thuế thu nhập nộp trước	154		1.598.632	1.162.975
Tài sản ngắn hạn khác	158		18.937	50.834
Tài sản dài hạn	200		193.931.235	206.046.856
Tài sản cố định	220		189.881.087	201.243.361
Tài sản cố định hữu hình	221	7	188.252.606	201.243.361
<i>Nguyên giá</i>	222		424.874.170	422.931.033
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(236.621.564)	(221.687.672)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	1.628.481	-
Đầu tư dài hạn	250		42.400	42.400
Đầu tư dài hạn khác	258		42.400	42.400
Tài sản dài hạn khác	260		4.007.748	4.761.095
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.672.774	3.052.339
Tài sản thuế hoãn lại	262	10	1.334.974	1.708.756
TỔNG TÀI SẢN	270		632.317.378	611.202.860

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		448.299.951	421.448.475
Nợ ngắn hạn	310		442.280.438	415.566.978
Vay ngắn hạn	311	11	355.538.377	359.724.571
Phải trả khách hàng	312	12	64.226.641	40.989.311
Người mua trả tiền trước	313		13.206.091	4.950.592
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	3.954.172	4.017.544
Phải trả người lao động	315		2.222.357	4.339.566
Chi phí phải trả	316		1.212.486	1.401.501
Phải trả khác	319		1.920.314	143.893
Nợ dài hạn	330		6.019.513	5.881.497
Vay dài hạn	334	14	5.654.778	5.470.891
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	364.735	410.606
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184.017.427	189.754.385
Vốn chủ sở hữu	410		184.017.427	189.754.385
Vốn cổ phần	411	16	279.013.771	279.013.771
Cổ phiếu ngân quỹ	412	16	(272.840)	(272.840)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.165.494)	(11.546.306)
Quỹ và dự trữ	417	17	21.553.612	21.141.803
Lỗi lũy kế	420		(111.111.622)	(98.582.043)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		632.317.378	611.202.860

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

16 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	18	234.332.426	200.669.838	465.251.187	327.699.195
Các khoản giảm trừ	02	18	(324.568)	(67.125)	(630.126)	(178.049)
Doanh thu thuần	10		234.007.858	200.602.713	464.621.061	327.521.146
Giá vốn hàng bán	11		(219.378.514)	(183.498.376)	(425.372.235)	(290.880.602)
Lợi nhuận gộp	20		14.629.344	17.104.337	39.248.826	36.640.544
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.134.578	11.217.441	3.899.646	11.941.228
Chi phí hoạt động tài chính	22	20	(19.231.275)	(22.769.760)	(36.896.560)	(34.840.860)
Chi phí bán hàng	24		(4.448.247)	(4.269.310)	(8.797.578)	(8.143.700)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(5.794.334)	(5.045.255)	(11.393.025)	(9.698.540)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(12.709.934)	(3.762.547)	(13.938.691)	(4.101.328)
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31		1.098.787	1.103.620	2.195.082	1.966.203
Chi phí khác	32		(221)	(213)	(379)	(432)
Lỗ trước thuế	50		(11.611.368)	(2.659.140)	(11.743.988)	(2.135.557)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	21	-	-	-	-
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hiện hành	52	21	(373.782)	(7.007.760)	(373.782)	(7.007.760)
Lỗ thuần sau thuế	60		(11.985.150)	(9.666.900)	(12.117.770)	(9.143.317)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(0,430)	(0,347)	(0,434)	(0,328)

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

16 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ'000	Quỹ và dự trữ VNĐ'000	Lỗ lũy kế VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	279.013.771	(272.840)	-	21.141.803	(101.327.419)	198.555.315
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(9.143.317)	(9.143.317)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2009	279.013.771	(272.840)	-	21.141.803	(110.470.736)	189.411.998
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(11.546.306)	-	-	(11.546.306)
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	11.888.693	11.888.693
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	279.013.771	(272.840)	(11.546.306)	21.141.803	(98.582.043)	189.754.385
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	6.380.812	-	-	6.380.812
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	411.809	(411.809)	-
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(12.117.770)	(12.117.770)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	279.013.771	(272.840)	(5.165.494)	21.553.612	(111.111.622)	184.017.427

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
*Kế toán trưởng*Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

16 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính đính kèm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(11.743.988)	(2.135.557)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		15.773.300	17.582.301
Dự phòng	03		4.795.163	(149.139.531)
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	(1.582.754)
Lãi thanh lý tài sản cố định	05		(16.631)	-
Chi phí lãi vay	06		7.282.745	10.165.073
Thu lãi tiền gửi	07		(3.518.760)	(1.808.058)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.571.829	(126.918.526)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(41.718.320)	55.951.951
Biến động hàng tồn kho	10		7.460.016	199.460.113
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		30.811.302	55.202.778
			9.124.827	183.696.316
Lãi vay đã trả	13		(7.240.264)	(10.217.393)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(435.657)	(379.592)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		1.448.906	173.099.331
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(4.031.461)	(2.906.107)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		16.631	-
(Tiền chi)/thu từ đầu tư ngắn hạn	25		(2.000.000)	10.320.000
Tiền thu lãi cho vay	27		3.518.760	1.808.058
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư	30		(2.496.070)	9.221.951

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính đính kèm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		287.827.912	213.563.046
Trả nợ gốc vay	34		(285.449.407)	(380.348.054)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động tài chính	40		2.378.505	(166.785.008)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.331.341	15.536.274
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		123.482.055	35.113.099
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3	124.813.396	50.649.373

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

16 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Công ty có 467 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 473 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu Chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước Dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ phát sinh từ việc chuyển đổi các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi Công ty bị lỗ trong kỳ thì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc chuyển đổi các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để Công ty không bị lỗ trong kỳ. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận trong Tài khoản Chênh lệch tỷ giá Hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Công ty lựa chọn tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, lỗ thuần cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 sẽ tăng 5.424 triệu VNĐ (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 957 triệu VNĐ)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như khoản trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

(i) Phải trả thương mại và phải trả khác

Phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(m) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến Ban giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là bán cáp điện và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Tiền mặt	1.376.443	1.119.589
Tiền gửi ngân hàng	60.498.355	39.062.466
Các khoản tương đương tiền	62.938.598	83.300.000
	<hr/>	<hr/>
	124.813.396	123.482.055
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số tiền khác VNĐ tương đương 4.723 triệu VNĐ (31/12/2009: 2.415 triệu VNĐ).

Lãi suất tiền gửi ngân hàng dao động từ 1,2% 2,4% một năm.

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản đặt cọc có kỳ hạn 3 tháng có lãi suất cố định dao động từ 7% đến 11% một năm.

4. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn chịu lãi suất năm 10,49%.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	892.370	26.363.669
Tăng dự phòng trong kỳ	330.087	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập	-	(25.501.430)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	1.222.457	862.239

6. Hàng tồn kho

	30/6/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Hàng mua đang đi đường	27.175.616	32.372.969
Nguyên vật liệu	40.082.183	41.166.135
Sản phẩm dở dang	38.301.497	46.081.019
Thành phẩm	67.890.394	61.289.583
	<hr/>	<hr/>
	173.449.690	180.909.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.041.850)	(4.576.774)
	<hr/>	<hr/>
	164.407.840	176.332.932

Biến động các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	4.576.774	132.445.005
Tăng dự phòng trong kỳ	4.548.648	-
Hoàn nhập	(83.572)	(123.638.101)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.041.850	8.806.904

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010
(tiếp theo)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Tài sản khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	144.621.203	259.088.527	8.632.629	2.867.432	7.721.242	422.931.033
Tăng trong kỳ	-	1.544.823	-	21.409	40.507	1.606.739
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	796.241	-	-	-	796.241
Thanh lý	-	(459.843)	-	-	-	(459.843)
Số dư cuối kỳ	144.621.203	260.969.748	8.632.629	2.888.841	7.761.749	424.874.170
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu kỳ	50.152.809	157.902.206	7.222.396	1.997.415	4.412.846	221.687.672
Khấu hao trong kỳ	3.781.079	10.468.313	389.908	137.737	616.698	15.393.735
Thanh lý	-	(459.843)	-	-	-	(459.843)
Số dư cuối kỳ	53.933.888	167.910.676	7.612.304	2.135.152	5.029.544	236.621.564
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	94.468.394	101.186.321	1.410.233	870.017	3.308.396	201.243.361
Số dư cuối kỳ	90.687.315	93.059.072	1.020.325	753.689	2.732.205	188.252.606

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 85.430 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31/12/2009: 77.355 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ 51.397 triệu VNĐ (31/12/2009: 80.154 triệu VNĐ) đã được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	-	1.451.601
Tăng trong kỳ	2.424.722	1.573.052
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(796.241)	(3.011.123)
Số dư cuối kỳ	1.628.481	13.530

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ gôn VNĐ'000	Công cụ và dụng cụ VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	1.879.698	1.172.641	3.052.339
Phân bổ trong kỳ	(28.424)	(351.141)	(379.565)
Số dư cuối kỳ	1.851.274	821.500	2.672.774

10. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tài sản cố định	207.346	165.877
Dự phòng	1.089.634	716.854
Lỗ tính thuế mang sang được ghi nhận	-	565.747
Khác	37.994	260.278
Tổng tài sản thuế hoãn lại	1.334.974	1.708.756

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

11. Vay ngắn hạn

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Vay ngắn hạn	349.883.280	346.896.853
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14)	5.655.097	12.827.718
	355.538.377	359.724.571
	355.538.377	359.724.571

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	30/6/2010	31/12/2009
			VNĐ'000	VNĐ'000
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1.15%	20.890.530	9.915.560
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội (b)	3.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1.15%	6.774.400	5.595.773
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	6.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1.15%	67.681.489	61.431.579
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.200.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 month + 1%	72.015.824	72.242.549
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	3.700.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 month + 1.15%	30.884.788	3.588.200
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 month + 1%	-	5.521.646
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.600.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1%	83.199.734	90.457.085

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	30/6/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương (c)	3.700.000 Đô la Mỹ	6,3%	-	12.301.051
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1,5%	40.869.734	53.626.762
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Hà Nội (b)	1.500.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1,5%	27.566.781	26.388.254
HSBC (b)	1.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR + 1%	-	5.828.394
			349.883.280	346.896.853
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14)			5.655.097	12.827.718
Tổng			355.538.377	359.724.571

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh 2 khoản tín dụng mỗi khoản 3.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng HSBC được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- c. Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương không được bảo đảm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

12. Phải trả khách hàng

Các khoản phải trả thương mại bao gồm các khoản phải trả cho các bên liên quan sau:

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Phải trả Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan		
- Thương mại	51.148.238	32.374.936
- Phi thương mại	26.451	-

Khoản thương mại phải trả cho Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan không được bảo đảm, không chịu lãi và được trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản phi thương mại phải trả cho Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan không được bảo đảm, không chịu lãi và được trả khi có yêu cầu.

13. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Thuế giá trị gia tăng	3.542.971	3.711.778
Thuế nhập khẩu	174.601	106.643
Thuế thu nhập cá nhân	236.600	199.123

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

14. Vay dài hạn

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	30/6/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (a)	2.741.880 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng +1,15%	11.309.876	16.413.307
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.600.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1,25%	-	1,885,302
			11.309.876	18.298.609
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 11)			(5.655.098)	(12.827.718)
			5.654.778	5.470.891

a. Khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai được bảo đảm bằng nhà xưởng mới tại trụ sở chính của Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 51.397 triệu VNĐ (31/12/2009: 53.929 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ ngày 8 tháng 5 năm 2008.

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VNĐ'000
Số dư đầu kỳ	410.606
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(45.871)
	364.735
Số dư cuối kỳ	364.735

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã đóng 47 triệu VNĐ (Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2009: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.771	27.901.377	279.013.771
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.771	27.901.377	279.013.771
Cổ phiếu ngân quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840)	(9.363)	(272.840)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.931	27.892.014	278.740.931

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với những cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị hoãn cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Trong kỳ, không có biến động về vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

17. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Tổng doanh thu				
▪ Bán hàng	234.332.426	200.669.838	465.251.187	327.699.195
Các khoản giảm trừ				
▪ Hàng bán bị trả lại	(324.568)	(67.125)	(630.126)	(178.049)
Doanh thu thuần	234.007.858	200.602.713	464.621.061	327.521.146

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Thu lãi tiền gửi	1.824.599	1.149.837	3.518.760	1.808.058
Lãi chênh lệch tỷ giá	309.979	10.067.604	380.886	10.133.170
	2.134.578	11.217.441	3.899.646	11.941.228

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2010 (tiếp theo)

20. Chi phí tài chính

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Chi phí lãi vay	3.644.033	4.872.880	7.282.745	10.165.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.587.242	17.896.880	29.613.815	24.675.787
	19.231.275	22.769.760	36.896.560	34.840.860

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện tại	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	373.782	7.007.760	373.782	7.007.760
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	373.782	7.007.760	373.782	7.007.760

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2010 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Lỗ trước thuế	(11.611.368)	(2.659.140)	(11.743.988)	(2.135.557)
Thuế theo thuế suất Công ty	(1.741.705)	(398.871)	(1.761.598)	(320.333)
Chi phí không được khấu trừ thuế	245.856	183.631	245.856	183.631
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	(437.124)	-	(8.783.195)
	(1.495.849)	(652.364)	(1.515.742)	(8.919.897)
Ảnh hưởng của miễn thuế	-	(8.783.195)	-	(437.124)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	1.869.631	16.443.319	1.889.524	16.364.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	373.782	7.007.760	373.782	7.007.760

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế bởi vì không chắc chắn rằng Công ty sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó để đối trừ.

Lỗ tính thuế hết hạn trong các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế VNĐ'000
2013	Chưa quyết toán	40.297.066
2014	Chưa quyết toán	2.126.731
2015	Chưa quyết toán	8.825.180

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế. Trụ sở chính được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2007 và 2008.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

22. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Lỗ thuần trong kỳ	(11.985.150)	(9.666.900)	(12.117.770)	(9.143.317)
Lỗ thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.985.150)	(9.666.900)	(12.117.770)	(9.143.317)

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/4/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối kỳ	27.892.014	27.892.014	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya kiểm soát Công ty. Công ty cũng có quan hệ liên quan với các giám đốc và nhân sự quản lý của Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya.

Các giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Tổng lương và phụ cấp kinh doanh cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Ban Giám đốc	537.384	548.810
Hội đồng Quản trị	1.121.675	800.350
	1.659.059	1.349.160

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ'000	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ'000
Công ty TNHH Dây và Cáp điện Taya Đà Loan		
Mua nguyên vật liệu	364.057.779	161.070.328
Phí bản quyền	144.543	389.482

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Công ty Taya Đà Loan (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Dây và Cáp Điện Taya Đà Loan. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2010	30/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Trong vòng một năm	4.259.408	2.505.450
Trong vòng hai đến năm năm	11.763.789	10.021.800
Trên năm năm	70.443.785	69.342.573
	<hr/>	<hr/>
	86.466.982	81.869.823
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Chi phí thuê hàng năm bao gồm phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê hàng năm tối thiểu là 105.247 Đô la Mỹ bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ 5 năm.

Công ty cũng phải trả phí thuê đất cho chi nhánh của Công ty ở tỉnh Hải Dương. Phí thuê hàng năm là 5.957 Đô la Mỹ từ 8 năm sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2010	Từ 1/1/2009
	đến 30/6/2010	đến 30/6/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	387.437.756	244.657.747
Chi phí nhân công bao gồm trong chi phí sản xuất	16.597.390	14.944.137
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.773.300	17.582.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.186.289	9.402.860
Các chi phí khác	5.341.175	14.179.642
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Người lập:

Người duyệt:

Hung Chung Ming
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang
Tổng Giám đốc

16 tháng 8 năm 2010